

Bản án số: 117/2025/DS-PT
Ngày: 22 - 4 - 2025
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất, yêu cầu di dời tài sản và
mở lối đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản và mở lối đi chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc

Trăng (vắng mặt).

5. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1965 (chết ngày 03-01-2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Huỳnh Văn G:

5.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5.2. Ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

7. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Bà Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

9. Ông Huỳnh Thanh R, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

10. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

11. Ông Huỳnh Trường Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

12. Bà Trang Thị Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

14. Ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

15. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

16. Bà Lê Thị Ô, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

17. Bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

18. Bà Huỳnh Thị A; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo Đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn D trình bày và yêu cầu như sau:*

Cha ông là cụ Huỳnh Văn X (sinh năm 1933, chết năm 2014) và mẹ ông là cụ Phạm Thị J (sinh năm 1935, chết năm 2016). Cụ X và cụ J có tất cả 09 người con

gồm các ông (bà) Huỳnh Văn D, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị S, Huỳnh Văn U, Huỳnh Văn G (chết ngày 03-01-2022), Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị P, Huỳnh Văn C. Ngoài ra, Cụ X và cụ J không có con nuôi hay con riêng nào khác; ông bà nội, ông bà ngoại của ông cũng đều đã chết trước cha mẹ của ông. Di sản 02 cụ để lại gồm có: Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 6, diện tích được cấp là 7.780m² và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, diện tích được cấp 16.870m², cùng tọa lạc Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, do Cụ X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cha mẹ chết không có để lại di chúc. Thửa đất số 153 do ông C canh tác 09 công tầm cây và vợ con ông G canh tác 03 công tầm cây. Thửa đất số 154 do bốn người gồm: Ông C, ông G, ông U, ông D cất nhà ở trên đất, mỗi người một phần.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của Cụ X và cụ J, gồm:

+ Thửa đất số 153, diện tích đo thực tế 17.315,4m² có một phần diện tích 4.274m² đã được cha mẹ cất cho ông G khi cha mẹ còn sống, hiện nay vợ con ông G đang canh tác không ai tranh chấp, không thuộc di sản; phần còn lại 13.041,4m² là di sản, yêu cầu chia làm 10 kỷ phần cho 09 người thừa kế mỗi người 01 phần, còn 01 phần chia cho ông C thờ cúng cha mẹ.

+ Thửa đất số 154, diện tích đo thực tế 6.110,8m² nếu thỏa thuận được thì chia cho bốn anh em trai đang cất nhà ở trên đất, mỗi người chiều ngang 05 tầm (tức là 15m), nếu không thỏa thuận được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia làm 09 kỷ phần cho 09 người thừa kế theo hướng trừ diện tích 02 nền mộ; ổn định vị trí đất mà mỗi người đang quản lý; ổn định cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn C đồng thời đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn H trình bày và yêu cầu như sau:

Về người để thừa kế, quan hệ thừa kế và di sản của cha mẹ để lại như ông D trình bày là đúng. Hiện trạng đất ruộng thuộc thửa số 153 do ông G được cha mẹ cất cho khi còn sống, không thuộc di sản; phần còn lại có diện tích 13.041,4m² là di sản. Hiện trạng thửa đất số 154 do 04 người đang quản lý, sử dụng gồm: Ông U, ông D, ông C và ông G. Khi anh em có vợ có chồng ra riêng thì cha mẹ cho phân đất để ở. Trước khi chết, cha mẹ không có di chúc để lại cho ai. Ông C là con út, sống chung với cha mẹ từ nhỏ, phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già và hiện nay ông là người thờ cúng cha mẹ. Nếu nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì ông cũng đồng ý, cụ thể:

+ Thửa đất số 153, diện tích thuộc di sản là 13.041,4m², ông yêu cầu chia làm 10 kỷ phần cho 09 người thừa kế mỗi người 01 phần, còn 01 kỷ phần chia cho ông C thờ cúng cha mẹ.

+ Thửa đất số 154, diện tích đo thực tế 6.110,8m², ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia làm 10 kỷ phần cho 09 người thừa kế mỗi người 01 phần, còn 01 kỷ phần chia cho ông C thờ cúng cha mẹ. Cách thức phân chia thống nhất với ông D là ưu tiên chia theo hướng trừ diện tích 02 nền mộ; ổn định vị trí đất mà mỗi người đang quản lý; ổn định cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U trình bày:

Ông U thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D, bị đơn ông C về người để lại di sản, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ của ông là Cụ X và cụ J chết để lại.

Cụ X và cụ J chết không để lại di chúc. Tuy nhiên, khi 02 cụ còn sống có phân chia thửa đất số 154 cho 04 người con trai là ông U, ông G, ông U và ông C mỗi người được một phần chiều ngang là 05 tầm (15 mét), dài ra đến bờ chiến đấu. Đồng thời, phần bờ móng đi từ lộ đến bờ chiến đấu ra ruộng lúa là đường đi chung dành cho tất cả con, cháu được đi trên phần đất của cha mẹ từ xưa cho đến nay. Sự việc này không thể hiện bằng giấy tờ nên nay ông D khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thì ông đồng ý. Về cách thức phân chia cụ thể theo đơn yêu cầu độc lập, ông U yêu cầu như sau:

+ Thửa đất số 154, diện tích do thực tế 6.110,8m² nếu thỏa thuận được thì chia cho bốn anh em trai đang cất nhà ở trên đất, mỗi người chiều ngang 05 tầm (tức là 15m), nếu không thỏa thuận được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia làm 09 kỷ phần cho 09 người thừa kế theo hướng trừ diện tích 02 nền mộ; ổn định vị trí đất mà mỗi người đang quản lý; ổn định cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

+ Thửa đất số 153, diện tích đo thực tế 17.315,4m² có một phần diện tích 4.274m² đã được cha mẹ cất cho ông G khi cha mẹ còn sống, hiện nay vợ con ông G đang canh tác không ai tranh chấp, không thuộc di sản; phần còn lại 13.041,4m² là di sản, yêu cầu chia làm 10 kỷ phần cho 09 người thừa kế mỗi người 01 phần, còn 01 phần chia cho ông C thờ cúng cha mẹ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D, bị đơn ông C về người để lại di sản, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ của ông là Cụ X và cụ J chết để lại, không có di chúc.

Hiện nay trên thửa đất số 154 có 04 căn nhà gồm nhà cha mẹ bà chết để lại do vợ chồng ông C đang ở; nhà vợ chồng ông U; nhà vợ chồng ông D và nhà vợ chồng ông G. Khi cha mẹ còn sống đã cho đất cho các anh chị em của bà, chỉ còn bà và bà M là chưa được cho phần. Nay bà cũng thống nhất 02 thửa đất số 153 và 154 là di sản của cha mẹ chết để lại. Bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật thành 09 phần cho 09 anh chị em trong gia đình. Đối với kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng bao nhiêu thì sẽ nhường lại cho ông U được hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị S trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D, bị đơn ông C về người để lại di sản, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ của ông là Cụ X và cụ J chết để lại, không có di chúc.

Hiện nay trên thửa đất số 154 có 04 căn nhà gồm nhà cha mẹ bà chết để lại do vợ chồng ông C đang ở; nhà vợ chồng ông U; nhà vợ chồng ông D và nhà vợ chồng ông G. Khi cha mẹ còn sống đã cho đất cho các anh chị em của bà, chỉ còn bà và bà M là chưa được cho phần. Nay bà cũng thống nhất 02 thửa đất số 153 và 154 là di sản của cha mẹ chết để lại. Bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật thành 09 phần cho 09 anh chị em trong gia đình. Đối với kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng bao nhiêu thì sẽ nhường lại cho ông D được hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn G, người kế thừa

quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn G trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D về cha mẹ, anh chị em trong gia đình. Anh chị em của ông gồm có 09 người đúng như nguyên đơn ông D trình bày, không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Nguyên đơn ông D yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 154 cho bốn người, mỗi người ngang 05 tầm thì ông không có ý kiến gì, yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Ông yêu cầu được hưởng phần đất nền hiện nay ông đang ở, còn đối với phần đất ruộng thì ông không yêu cầu gì, yêu cầu giải quyết đúng theo pháp luật.

Ông G đã chết vào ngày 03-01-2022 dương lịch, có vợ là bà Nguyễn Thị N và một người con chung tên Huỳnh Văn I. Bà N có ý kiến về phần đất thừa số 154 thì cha chồng bà cho bốn người con trai gồm ông U, ông G, ông D mỗi người 05 tầm giáp mặt lộ còn chiều dài thì không biết, còn lại là của ông C. Thừa đất số 153 hiện nay ông C đang quản lý 09 công thì để cho ông C được hưởng thờ cúng ông bà, còn thừa đất số 154 yêu cầu được nhận bề ngang 05 tầm, dài đến phần đất ruộng ông C đang canh tác. Vợ chồng bà đã ở trên thừa số 154 trên 30 năm. Ông I đồng ý với ý kiến của bà N, không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D, bị đơn ông C về người để lại di sản, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ của ông là Cụ X và cụ J chết để lại, không có di chúc. Nguyên đơn ông D trình bày thừa số 154 đã được cha mẹ cho 04 người chiều ngang 05 tầm là không có. Ông không thống nhất chia thừa kế thừa đất số 153 và 154 vì trước khi chết cha mẹ đã cho phần cho các anh em hết rồi, phần đất nền nhà thì đã cho các anh em và các anh em đã cất nhà ở trên đất này. Ai sử dụng đất này bao nhiêu thì người đó hưởng bấy nhiêu. Riêng đối với phần đất ruộng thì cha mẹ ông đã cho ông C nên phần đất này ông C được hưởng. Tuy nhiên, nếu có cơ sở chia thừa kế thì ông yêu cầu chia theo pháp luật cho 09 anh chị em, ông nhận thừa kế và yêu cầu được xin nhận bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D, bị đơn ông C về người để lại di sản, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ của ông là Cụ X và cụ J chết để lại, không có di chúc.

Bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông D, trước đây cha bà còn sống có cho bốn anh em gồm ông U, ông D, ông G mỗi người 05 tầm (ngang 15m) nhưng không cho dài hết đất mà chỉ cho một khoảng để ở dài bao nhiêu thì bà không rõ. Nếu ông D muốn lấy phần đất 15m giáp nhà ông C thì ông D phải trả lại phần đất đang ở cho ông C vì cha mẹ chỉ cho ông U một phần đất là căn nhà đang ở chứ không cho dài hết đất. Phần đất ruộng thì cho ông G 03 công vì lúc đó ông G nuôi cha mẹ, còn lại 09 công thì ông C làm vì ông C là con út. Khi cha mẹ cho bốn người ở trên thừa đất số 154 thì chỉ nói miệng các anh em đều biết, khi cho xong cũng không có cắm ranh, cho xong mạnh ai nấy bồi đắp rồi cất nhà ở. Tuy nhiên, nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật thì kỷ phần của bà, bà sẽ giao lại cho ông C vì ông C là con út.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D, bị đơn ông C về người

để lại di sản, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản mà cha mẹ của ông là Cụ X và cụ J chết để lại, không có di chúc.

Hai thửa đất số 153 và 154 có nguồn gốc do cha mẹ bà tạo lập, ngoài hai thửa đất này thì cha mẹ bà chết không còn để lại tài sản nào khác. Cha mẹ bà chết không có để lại di chúc cho ai. Sự việc lúc còn sống cha mẹ bà có cho bốn anh em trai đang ở trên đất là đúng nhưng cho diện tích mỗi anh em ngang dài bao nhiêu thì bà không biết, vì lúc đó bà đã theo chồng nên không biết sự việc cho đất các anh em cụ thể là bao nhiêu. Khi cha mẹ còn sống thì bà có nghe nói là để bờ móng làm đường đi chung nhưng diện tích bao nhiêu thì bà không biết. Theo ý kiến chia thừa kế của ông D bà cũng thống nhất. Nếu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, suất thừa kế của bà thì bà sẽ để lại cho ông C nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ô trình bày:

Khi đo đạc, thẩm định tại chỗ xác định có một phần nhỏ mái che (chái) nhà của bà Ô có chồm qua phần đất bà N và Ông I đang quản lý thuộc thửa đất số 154. Nếu buộc phải giao đất cho người thừa kế nào khác thì bà Ô đồng ý tháo dỡ, nếu giao đất cho bà N, Ông I thì hai bên sẽ tự thỏa thuận riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 4.274m² thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do gia đình ông Huỳnh Văn G đang quản lý, sử dụng. Đồng thời, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn C di dời cây trồng trên phần đất được cha mẹ tặng cho ông Huỳnh Văn D trên thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U thay đổi một phần yêu cầu độc lập về việc dành phần đất “bờ móng” ngang 03m làm đường đi chung. Nay ông U yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, ông xin phần đất ngang 03m để ông dùng làm lối đi.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ vào các khoản 5, 9 và 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 616, Điều 618, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 45 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 4.274m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do gia đình ông Huỳnh Văn G đang quản lý, sử dụng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh

Văn D về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn C di dời cây trồng trên phần đất được cha mẹ tặng cho ông Huỳnh Văn D trên thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn D và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn X và cụ Phạm Thị J theo pháp luật.

3.1. Phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 13.041,4m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

* Ông Huỳnh Văn G được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 1.304,1m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất ông U được chia, có số đo 25,83m. Hướng Tây giáp phần gia đình ông G đang canh tác, có số đo 25,46m. Hướng Nam đất ông Phan Văn Z, có số đo 51,66m. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 50,38m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

* Ông Huỳnh Văn U được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 2.608,3m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông D được chia, có số đo 25,61m. Hướng Tây giáp phần ông G được chia, có số đo 25,83m. Hướng Nam đất ông Phan Văn Z, có số đo 17,17m + 84,21m. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 47,75m + 53,57m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

* Ông Huỳnh Văn D được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 2.608,3m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông H được chia, có số đo 25,37m. Hướng Tây giáp phần ông U được chia, có số đo 25,61m. Hướng Nam đất ông Phan Văn Z, có số đo 51,23m + 9,37m + 42,79m. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 102,36m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

* Ông Huỳnh Văn H được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 1.304,1m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông C được chia, có số đo 25,20m. Hướng Tây giáp phần ông D được chia, có số đo 25,37m. Hướng Nam đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 51,16m. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 52,13m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

* Ông Huỳnh Văn C được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 5.216,6m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp kênh Máng, có số đo 26,21m. Hướng Tây giáp phần ông H được chia, có số đo 25,20m. Hướng Nam đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 117,17m + 9,37m + 43,33m + 23,13m. Hướng Bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn U và ông Lê Văn F, có số đo 186,03m + 14,32m + 13,1m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

3.2. Phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 6.110,8m², thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Cụ thể như sau:

* Bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I được hưởng thừa kế phần đất diện tích $807,6\text{m}^2$ (có 60m^2 đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 12,62m. Hướng Tây giáp phần đất ruộng chia cho ông C, có số đo 11,91m. Hướng Nam giáp phần đất vườn chia cho ông C, có số đo 55,23m. Hướng Bắc giáp phần đất ông Lê Văn F đang quản lý, sử dụng, có số đo $30,32\text{m} + 26,61\text{m} + 1,39\text{m}$ (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trên phần đất này có $17,98\text{m}^2$ nền mộ, căn nhà của gia đình ông Huỳnh Văn G đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I. Đối với một phần mái che thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị Ô chồm qua phần đất được giao cho bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I nhưng các bên không có tranh chấp. Nay phần đất đã ổn định cho bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết; trường hợp có tranh chấp mà không thỏa thuận, hòa giải được thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

* Ông Huỳnh Văn C được hưởng thừa kế phần đất diện tích $2.170,1\text{m}^2$ (có 60m^2 đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 20m. Hướng Tây giáp Kênh Máng, có số đo 27,24m. Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông H, có số đo $54,12\text{m} + 39,12\text{m}$. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông G và phần đất do ông Lê Văn F đang quản lý, sử dụng, có số đo $55,23\text{m} + 11,91\text{m} + 36,61\text{m}$ (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trên phần đất này có $47,85\text{m}^2$ nền mộ, căn nhà của gia đình ông Huỳnh Văn C đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn C.

* Ông Huỳnh Văn H được hưởng thừa kế phần đất diện tích 554m^2 (có 60m^2 đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 4,5m. Hướng Tây giáp Kênh Máng, có số đo $4,5\text{m} + 6,95\text{m}$. Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông D và phần đất chia cho ông U, có số đo $25,96\text{m} + 27,89\text{m} + 40,66\text{m}$. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông C, có số đo $54,12\text{m} + 39,12\text{m}$ (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trên phần đất này có các cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất được công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho ông Huỳnh Văn H.

* Ông Huỳnh Văn D được hưởng thừa kế:

- Phần đất có diện tích $141,1\text{m}^2$ (có 60m^2 đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 5,91m. Hướng Tây giáp phần ông U được chia, có số đo 5,08m. Hướng Nam giáp phần ông U được chia (lối đi), có số đo 31,97m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông H, có số đo 25,96m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trên phần đất này có các cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất được công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho ông Huỳnh Văn D.

- Phần đất có diện tích 1.334m², thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông U được chia, có số đo 16,51m. Hướng Tây giáp Kênh Máng, có số đo 20,67m. Hướng Nam giáp ruộng nước ông U, có số đo 68,31m. Hướng Bắc giáp phần đất (lối đi) chia cho ông U, có số đo 43,06m + 6,29m + 5,81m + 7,7m + 6,25m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trên phần đất này có căn nhà, chuồng trại của gia đình ông Huỳnh Văn D đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn D.

* Ông Huỳnh Văn U được hưởng thừa kế phần đất diện tích 1.056m² (có 60m² đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 13,8m + 03m. Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông D, có số đo 16,51m + 6,25m + 7,7m + 5,81m + 6,29m + 43,06m + 3,0m + 5,75m. Hướng Nam giáp ruộng nước ông U, có số đo 9,78m + 14,22m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông D, có số đo 31,97m + 5,08m + 27,89m + 40,66m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

Trên phần đất này có căn nhà của gia đình ông Huỳnh Văn U đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn U.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn U dành một phần lối đi 03m trong phần đất ông U được chia làm lối đi chung ra lộ nhựa của gia đình ông Huỳnh Văn U và ông Huỳnh Văn D, không ai được cản trở. Phần đất có diện tích 85,7m², thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 03m. Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông U, có số đo 3m. Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông U, có số đo 25,15m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông D, có số đo 31,97m (Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

5. Nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch các kỳ phần thừa kế:

- Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Huỳnh Văn I có nghĩa vụ liên đới trả giá trị chênh lệch mà bà N, anh I được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Văn H bằng số tiền là 44.655.513 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Văn I có nghĩa vụ liên đới trả giá trị chênh lệch mà bà N, anh I được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Văn U bằng số tiền là 49.195.058 đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch mà ông Huỳnh Văn D được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Văn U bằng số tiền là 117.069.881 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bị đơn ông C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm và được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D, giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng của các anh, chị em ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông C không không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng cha ông tên Huỳnh Văn X (chết năm 2014) và mẹ ông tên Phạm Thị J (chết năm 2016), cha mẹ ông có 09 người con chung, không có con nuôi, con ngoài giá thú. Khi còn sống cha mẹ ông tạo lập được thừa đất số 153 và 154 như Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, cha mẹ ông không có để lại di chúc, nhưng cha mẹ ông đã chia đất cho anh, em ông đang sử dụng ổn định, nên đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông C và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn G đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông C là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa, các đương sự đều thống nhất cụ Huỳnh Văn X, sinh năm 1933 và cụ Phạm Thị J, sinh năm 1935 là vợ chồng. Cụ X chết năm 2014 và cụ J chết năm 2016, đều không để lại di chúc. Hai cụ có tất cả 09 người con chung gồm các ông (bà): Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Ung, Huỳnh Văn C, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị S, Huỳnh Văn Dũ, ông Huỳnh Văn G (chết ngày 03-01-2022, có vợ là Nguyễn Thị N và con là Huỳnh Văn I), Huỳnh Thị M và Huỳnh Thị P. Hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Lúc sinh thời, các cụ tạo lập được hai thửa đất: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, diện tích 17.315,4m² (loại đất 2L) và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.110,8m² (loại đất T+LNK), cùng tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Cả hai thửa đất đều do Cụ X đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 687953, do Ủy ban

nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng cấp năm 1993. Hiện nay, thửa đất số 153 do ông C và vợ con ông G (bà N, Ông I) đang quản lý, sử dụng; còn thửa đất số 154 thì gia đình ông C, ông G, ông U và ông D đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) do ông C đang cất giữ. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông C về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D, giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng của các anh, chị em ông. Xét thấy:

[4.1] Khi kháng cáo ông C cho rằng ông không đồng ý chia thừa kế, bởi vì lúc còn sống cha mẹ ông đã chia đất cho các anh, chị em ông theo như hiện trạng sử dụng hiện nay, được ông H xác định. Mặc dù việc tặng cho đất trên được ông H, ông U, bà N, bà S, bà Phấn xác định, nhưng không cụ thể, rõ ràng diện tích là bao nhiêu và cũng không được toàn bộ những người thừa kế của Cụ X và cụ J thừa nhận. Mặt khác, việc tặng cho đất như lời ông C trình bày cũng không có lập thành văn bản để được công chứng hoặc chứng thực là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013 (tương ứng với quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Đất đai năm 2024).

[4.2] Các đương sự trong vụ án đều xác định thửa đất số 153 và 154, cùng tờ bản đồ số 06 là di sản thừa kế của Cụ X và cụ J chết để lại, không có lập di chúc. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên sơ thẩm thì ông C vẫn đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, phân chia di sản thừa kế của Cụ X và cụ J theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166, 167, 168, 169 của Luật Đất đai năm 2013 và theo quy định tại các Điều 616, 618, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.3] Từ những nhận định như vừa nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông C là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông C và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản và mở lối đi chung của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích $4.274m^2$, thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do gia đình ông Huỳnh Văn G đang quản lý, sử dụng.

2.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn D về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn C di dời cây trồng trên phần đất được cha mẹ tặng cho ông Huỳnh Văn D trên thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn D và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn X và cụ Phạm Thị J theo pháp luật.

* Phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích $13.041,4m^2$, thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

- Ông Huỳnh Văn G được hưởng thừa kế phần đất có diện tích $1.304,1m^2$, thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất ông U được chia, có số đo 25,83m. Hướng Tây giáp phần gia đình ông G đang canh tác, có số đo 25,46m. Hướng Nam đất ông Phan Văn Z, có số đo 51,66m. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 50,38m.

- Ông Huỳnh Văn U được hưởng thừa kế phần đất có diện tích $2.608,3m^2$, thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông D được chia, có số đo 25,61m. Hướng Tây giáp phần ông G được chia, có số đo 25,83m. Hướng Nam đất ông Phan Văn Z, có số đo $17,17m + 84,21m$. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo $47,75m + 53,57m$.

- Ông Huỳnh Văn D được hưởng thừa kế phần đất có diện tích $2.608,3m^2$, thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông H được chia, có số đo 25,37m. Hướng Tây giáp phần ông U được chia, có số đo 25,61m. Hướng Nam đất ông Phan Văn Z, có số đo $51,23m + 9,37m + 42,79m$. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 102,36m.

- Ông Huỳnh Văn H được hưởng thừa kế phần đất có diện tích $1.304,1m^2$,

thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông C được chia, có số đo 25,20m. Hướng Tây giáp phần ông D được chia, có số đo 25,37m. Hướng Nam đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 51,16m. Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 52,13m.

- Ông Huỳnh Văn C được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 5.216,6m², thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp kênh Máng, có số đo 26,21m. Hướng Tây giáp phần ông H được chia, có số đo 25,20m. Hướng Nam đất ông Huỳnh Văn U, có số đo 117,17m + 9,37m + 43,33m + 23,13m. Hướng Bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn U và ông Lê Văn F, có số đo 186,03m + 14,32m + 13,1m.

* Phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 6.110,8m², thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I được hưởng thừa kế phần đất diện tích 807,6m² (có 60m² đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 12,62m. Hướng Tây giáp phần đất ruộng chia cho ông C, có số đo 11,91m. Hướng Nam giáp phần đất vườn chia cho ông C, có số đo 55,23m. Hướng Bắc giáp phần đất ông Lê Văn F đang quản lý, sử dụng, có số đo 30,32m + 26,61m + 1,39m.

Trên phần đất này có 17,98m² nền mộ, căn nhà của gia đình ông Huỳnh Văn G đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I. Đối với một phần mái che thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị Ô chôn qua phần đất được giao cho bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I nhưng các bên không có tranh chấp. Nay phần đất đã ổn định cho bà Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn I, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết; trường hợp có tranh chấp mà không thỏa thuận, hòa giải được thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- Ông Huỳnh Văn C được hưởng thừa kế phần đất diện tích 2.170,1m² (có 60m² đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 20m. Hướng Tây giáp Kênh Máng, có số đo 27,24m. Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông H, có số đo 54,12m + 39,12m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông G và phần đất do ông Lê Văn F đang quản lý, sử dụng, có số đo 55,23m + 11,91m + 36,61m.

Trên phần đất này có 47,85m² nền mộ, căn nhà của gia đình ông Huỳnh Văn C đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn C.

- Ông Huỳnh Văn H được hưởng thừa kế phần đất diện tích 554m² (có 60m² đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 4,5m. Hướng Tây giáp Kênh Máng, có số đo 4,5m + 6,95m. Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông D và phần đất chia cho ông U, có số đo 25,96m + 27,89m + 40,66m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông C, có số đo 54,12m + 39,12m.

Trên phần đất này có các cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất được công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho ông Huỳnh Văn H.

- Ông Huỳnh Văn D được hưởng thừa kế gồm:

+ Phần đất có diện tích $141,1m^2$ (có $60m^2$ đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 5,91m. Hướng Tây giáp phần ông U được chia, có số đo 5,08m. Hướng Nam giáp phần ông U được chia (lối đi), có số đo 31,97m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông H, có số đo 25,96m.

Trên phần đất này có các cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất được công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho ông Huỳnh Văn D.

+ Phần đất có diện tích $1.334m^2$, thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần ông U được chia, có số đo 16,51m. Hướng Tây giáp Kênh Máng, có số đo 20,67m. Hướng Nam giáp ruộng nước ông U, có số đo 68,31m. Hướng Bắc giáp phần đất (lối đi) chia cho ông U, có số đo $43,06m + 6,29m + 5,81m + 7,7m + 6,25m$.

Trên phần đất này có căn nhà, chuồng trại của gia đình ông Huỳnh Văn D đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn D.

- Ông Huỳnh Văn U được hưởng thừa kế phần đất diện tích $1.056m^2$ (có $60m^2$ đất ở), thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo $13,8m + 03m$. Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông D, có số đo $16,51m + 6,25m + 7,7m + 5,81m + 6,29m + 43,06m + 3,0m + 5,75m$. Hướng Nam giáp ruộng nước ông U, có số đo $9,78m + 14,22m$. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông D, có số đo $31,97m + 5,08m + 27,89m + 40,66m$.

Trên phần đất này có căn nhà của gia đình ông Huỳnh Văn U đang sinh sống, cây trồng và tài sản khác gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn U.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn U dành một phần lối đi 03m trong phần đất ông U được chia làm lối đi chung ra lộ nhựa của gia đình ông Huỳnh Văn U và ông Huỳnh Văn D, không ai được cản trở. Phần đất có diện tích $85,7m^2$, thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông giáp lộ nhựa, có số đo 03m. Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông U, có số đo 3m. Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông U, có số đo 25,15m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông D, có số đo 31,97m

(Sơ đồ hiện trạng thửa đất đã gửi kèm theo bản án sơ thẩm).

2.5. Nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch các kỷ phần thừa kế:

- Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Huỳnh Văn I có nghĩa vụ liên đới trả giá trị chênh lệch mà bà N, anh I được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Văn H bằng số tiền là 44.655.513 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm mười ba đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Văn I có nghĩa vụ liên đới trả giá trị chênh lệch mà bà N, anh I được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Văn U bằng số tiền là 49.195.058 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm năm mươi tám đồng).

- Buộc ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch mà ông Huỳnh Văn D được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Văn U bằng số tiền là 117.069.881 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005331 ngày 07/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Huỳnh Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm (tại mục 6 và 7 trong phần tuyên xử) không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn